

Tiết 16: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ GIẢI TOÁN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết một dạng quan hệ tỷ lệ (đại lượng này gấp lên bao nhiêu lần thì đại lượng tương ứng cũng gấp lên bấy nhiêu lần).

- Giải bài toán liên quan đến quan hệ tỉ lệ này bằng 1 trong 2 cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”. HS cả lớp làm được bài 1 .

2. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, bài giảng PowerPoint.

- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (5 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Gọi thuyền" với các câu hỏi sau: + Nêu các bước giải bài toán tổng tỉ ? + Nêu các bước giải bài toán hiệu tỉ ? + Cách giải 2 dạng toán này có gì giống và khác nhau ? - Giáo viên nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi trò chơi. - HS nghe - HS ghi vở
2. HĐ hình thành kiến thức mới: (25 phút)	
*Mục tiêu: Biết một dạng quan hệ tỷ lệ (đại lượng này gấp lên bao nhiêu lần thì đại lượng tương ứng cũng gấp lên bấy nhiêu lần). *Cách tiến hành:	
*Tìm hiểu về quan hệ tỉ lệ thuận. - Treo bảng phụ ghi ví dụ 1. - Cho HS thảo luận nhóm 4 tìm hiểu đề, chẳng hạn như: + 1 giờ người đó đi được bao nhiêu km? + 2 giờ người đó đi được bao nhiêu km? + 2 giờ gấp mấy lần 1 giờ? + 8km gấp mấy lần 4km? - Vậy khi thời gian gấp lên 2 lần thì quãng đường như thế nào ? - Khi thời gian gấp 3 lần thì quãng đường như thế nào? - Qua ví dụ trên hãy nêu mối quan hệ giữa thời gian và quãng đường đi được.	- 1 học sinh đọc. - 4km - 8km - Gấp 2 lần - Gấp 2 lần - Gấp lên 2 lần. - Gấp lên 3 lần - Học sinh thảo luận rút ra nhận xét.

- KL: Khi thời gian gấp lên bao nhiêu lần thì quãng đường gấp lên bấy nhiêu lần * Giáo viên ghi nội dung bài toán. - Bài toán cho biết gì? - Bài toán hỏi gì? - Giáo viên ghi tóm tắt như SGK. Yêu cầu - Cho HS thảo luận tìm cách giải. Cách 1: Rút về đơn vị. - Tìm số km đi được trong 1 giờ? - Tính số km đi được trong 4 giờ? - Dựa vào mối quan hệ nào chúng ta làm như thế nào? Cách 2: Tìm tỉ số. - So với 2 giờ thì 4 giờ gấp ? lần - Như vậy quãng đường đi được trong 4 giờ gấp quãng đường đi được trong 2 giờ mấy lần? Vì sao? - 4 giờ đi được bao nhiêu km? - KL: Bước tìm 4 giờ gấp 2 giờ mấy lần được gọi là bước tìm tỉ số. - Yêu cầu HS trình bày bài vào vở.	- 2 - 3 em nhắc lại. - HS đọc 2 giờ đi 90km. 4 giờ đi ? km? - Học sinh thảo luận, tìm ra 2 cách giải. - Lấy $90 : 2 = 45$ (km) - Lấy $45 \times 4 = 180$ (km) - Khi thời gian gấp lên bao nhiêu lần thì quãng đường cũng gấp lên bấy nhiêu lần. - 4 giờ gấp 2 giờ số lần là: $4:2=2$ (lần). - Gấp 2 lần vì kế hoạch tăng thời gian ? lần thì quãng đường cũng tăng lên bấy nhiêu lần. - 4 giờ đi được: $90 \times 2 = 180$ (km) - Học sinh trình bày vào vở.
3. HĐ luyện tập, thực hành: (5 phút) * Mục tiêu: Giải bài toán liên quan đến quan hệ tỉ lệ này bằng 1 trong 2 cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”. HS cả lớp làm được bài 1 . * Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS phân tích đề, tìm cách giải. - Giáo viên nhận xét	- Học sinh đọc đề - HS phân tích đề, tìm cách giải - HS làm vở, chia sẻ kết quả Giải Mua 1m vải hết số tiền là: $80\,000 : 5 = 16\,000 \text{ (đồng)}$ Mua 7m vải đó hết số tiền là: $16\,000 \times 7 = 112\,000 \text{ (đồng)}$ Đáp số: 112 000 đồng
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(5 phút)	
- Cho HS làm bài theo tóm tắt sau: 30 sản phẩm: 6 ngày 45 sản phẩm:...ngày ?	- HSVề nhà làm bài

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

Tập đọc

Tiết 7: NHỮNG CON SẾU BẰNG GIẤY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu ý chính bài văn tố cáo tội ác chiến tranh hạt nhân, thể hiện khát vọng sống, khát vọng hoà bình của trẻ em. (trả lời được các câu hỏi 1,2,3)

- Đọc đúng tên người, tên địa lí nước ngoài. Bước đầu đọc diễn cảm được bài văn.

- Lòng ghép kiến thức về chủ đề, kết thúc câu chuyện, chuyện có thật và chuyện tưởng tượng, chi tiết, thời gian, địa điểm trong câu chuyện

- Dạy lòng ghép trong phần vận dụng của bài đọc hiểu: hãy tưởng tượng em sang thăm nước Nhật và sẽ đến trước tượng đài Xa-xa-cô. Em muốn nói gì với Xa-xa-cô để tỏ tình đoàn kết của trẻ em khắp năm châu và khát vọng thế giới được cuộc sống hòa bình? Hãy ghi lại những điều em muốn nói.

2. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Giáo dục HS Yêu chuộng hòa bình, ghét chiến tranh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.

- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (3 phút)	
- Cho học sinh thi đọc phân vai cả 2 phần vở kịch. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- 2 nhóm HS thi đọc bài và trả lời câu hỏi - HS nghe - HS ghi vở
2. HĐ hình thành kiến thức mới:	
2.1. Luyện đọc: (12 phút)	
*Mục tiêu:	
- Rèn đọc đúng từ - Rèn đọc đúng câu, từ, đoạn. - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới.	
*Cách tiến hành:	
- Gọi HS đọc bài, chia đoạn - Cho HS đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm(nhóm trưởng điều khiển) - Yêu cầu học sinh đọc chú giải. - Yêu cầu HS đọc theo cặp. - Cho HS đọc toàn bài - Giáo viên đọc mẫu	- Học sinh (M3,4) đọc bài, chia đoạn: + Đ1: từ đầu...Nhật Bản. + Đ2: Tiếp đến nguyên tử + Đ3: tiếp đến644 con. + Đ4: còn lại. - HS nối tiếp đọc bài lần 1 kết hợp đọc từ khó trong nhóm - HS nối tiếp đọc bài lần 2 kết hợp luyện đọc câu khó - 1 HS đọc - 2 HS ngồi cùng bàn luyện đọc. - Cả lớp theo dõi.

2.2. HĐ Tìm hiểu bài: (8 phút) *Mục tiêu: Hiểu ý chính bài văn tố cáo tội ác chiến tranh hạt nhân, thể hiện khát vọng sống, khát vọng hoà bình của trẻ em. (trả lời được các câu hỏi 1,2,3) *Cách tiến hành:	
- Yêu cầu HS đọc câu hỏi, đọc lướt bài, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi, sau đó báo cáo giáo viên rồi chia sẻ trước lớp: + Xa-da-cô bị nhiễm phóng xạ khi nào? + Bạn hiểu phóng xạ là gì? + Bom nguyên tử là gì? + Cô bé kéo dài cuộc sống của mình bằng cách nào? + Các bạn nhỏ làm gì để tỏ nguyện vọng hoà bình? + Nội dung chính của bài là gì ? - GV nhận xét, KL:	- Học sinh đọc thầm bài thảo luận nhóm 4 tìm câu trả lời. - Từ khi Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản. - Học sinh nêu - Học sinh nêu - Ngày ngày gập sếu vì em tin vào một truyền thuyết nói rằng nếu gập đủ một nghìn con sếu giấy treo quanh phòng em sẽ khỏi bệnh. - Xa-da-cô chết, các bạn quyên tiền xây tượng đài nhớ các nạn nhân ... - Tố cáo tội ác chiến tranh hạt nhân nói lên khát vọng sống, khát vọng hoà bình của trẻ em toàn thế giới. - HS nghe
3. HĐ Đọc diễn cảm: (8 phút) *Mục tiêu: - HS đọc đúng, ngắt nghỉ đúng chỗ, biết nhấn giọng ở những từ ngữ cần thiết. - Bước đầu đọc diễn cảm được bài văn. *Cách tiến hành:	
- Cho HS đọc nối tiếp bài trong nhóm, tìm giọng đọc. - GV và HS nhận xét giọng đọc - GV treo bảng đoạn 3. - Giáo viên đọc mẫu. - Yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm theo cặp. - Tổ chức thi đọc diễn cảm. - GV nhận xét, tuyên dương HS đọc tốt.	- Học sinh đọc nối tiếp bài (nhóm 4) - Lớp lắng nghe - Đoạn 1: đọc to rõ ràng; - Đoạn 2: trầm buồn. - Đoạn 3: thông cảm, chậm rãi, xúc động. - Đoạn 4: trầm, chậm rãi. - HS nhận xét - HS quan sát - Học sinh lắng nghe - Luyện đọc theo cặp - 3- 5 học sinh thi đọc, lớp nhận xét.
4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)	
- Nếu được đứng trước tượng đài, bạn sẽ nói gì với Xa-da-cô?	- HS trả lời
- Em sẽ làm gì để bảo vệ hòa bình trên trái đất này ?	- HS trả lời

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Chính tả

Tiết 4: NGHE - VIẾT: ANH BỘ ĐỘI CỤ HỒ GỐC BỈ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức bài văn xuôi.
- Nắm chắc mô hình cấu tạo vần và quy tắc đánh dấu thanh trong tiếng có ia iê(BT2,BT3)

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở, trung thực.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi, bài giảng PowerPoint.
- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (3 phút)	
- Cho HS tổ chức trò chơi "Ai nhanh, ai đúng" với nội dung: + Cho câu văn: “Chúng tôi muốn thế giới này mãi mãi hoà bình”. + Hãy viết phần vần của các tiếng trong câu văn trên vào mô hình cấu tạo vần. - Giáo viên nhận xét - Nêu quy tắc đánh dấu thanh trong các tiếng của câu văn trên - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- 2 nhóm HS tham gia chơi, mỗi bạn chỉ được ghi 1 tiếng, sau đó về vị trí đứng ở hàng của mình, rồi tiếp tục đến bạn khác cho đến khi hết thời gian chơi. - Học sinh nhận xét trò chơi - Dấu thanh được đặt ở âm chính gồm: âm đệm, âm chính, âm cuối - HS ghi vở
2. HĐ hình thành kiến thức mới:	
2.1. Chuẩn bị viết chính tả. (5 phút)	
*Mục tiêu: HS có tâm thế tốt để viết bài.	
*Cách tiến hành:	
*Tìm hiểu nội dung đoạn văn - Giáo viên đọc toàn bài chính tả - Vì sao Ph.răng Đơ Bô-en lại chạy sang hàng ngũ quân đội ta? - Chi tiết nào cho thấy ông rất trung thành với đất nước Việt Nam ta? - Bài văn có từ nào khó viết ? - Yêu cầu học sinh viết các từ vừa tìm được - Giáo viên nhận xét	- Học sinh lắng nghe, lớp đọc thầm lại - Vì ông nhận rõ tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược - Bị bắt: dụ dỗ, tra khảo nhưng ông nhất định không khai. - Ph.răng Đơ Bô-en, phi nghĩa, chiến tranh, Phan Lăng, dụ dỗ - 3 học sinh viết bảng, lớp viết nháp. - Học sinh nhận xét
2.2. HĐ viết bài chính tả. (15 phút)	

*Mục tiêu: Viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức bài văn xuôi . *Cách tiến hành:	
- Giáo viên đọc cho học sinh viết - GV quan sát uốn nắn học sinh - Đọc cho HS soát lỗi	- Học sinh viết bài - HS soát lỗi.
2.3. HĐ chấm và nhận xét bài. (3 phút) *Mục tiêu: Giúp các em tự phát hiện ra lỗi của mình và phát hiện lỗi giúp bạn. *Cách tiến hành:	
- Cho HS tự soát lại bài của mình theo bài trên bảng lớp. - GV chấm nhanh 5 - 7 bài - Nhận xét nhanh về bài làm của HS	- HS xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực. - Lắng nghe
3. HĐ luyện tập, thực hành: (6 phút) *Mục tiêu: - Nắm chắc mô hình cấu tạo vần và quy tắc đánh dấu thanh trong tiếng có ia, iê (BT2,BT3) *Cách tiến hành:	
Bài 2: HĐ cá nhân - Gọi học sinh đọc yêu cầu nội dung bài. - Yêu cầu học sinh tự làm bài cá nhân. - GV nhận xét chữa bài - Hai tiếng đó giống và khác nhau ntn? - Giáo viên nhận xét.	- 1 học sinh đọc, lớp theo dõi. - Lớp làm vở, báo cáo kết quả - HS nghe - Giống: 2 tiếng đều có âm chính có 2 chữ cái (đó là nguyên âm đôi) - Khác: + tiếng nghĩa : không có âm cuối. + tiếng chiến : có âm cuối.
Bài 3: HĐ cặp đôi - Nêu yêu cầu của bài tập, thảo luận theo câu hỏi: + Nêu quy tắc ghi dấu thanh trong tiếng ? + Nêu quy tắc ghi dấu thanh ở tiếng “ chiến ” và “ nghĩa ”	- Học sinh làm bài cặp đôi, thảo luận làm bài, trả lời câu hỏi: - Dấu thanh được đặt trong âm chính. - Dấu thanh đặt ở âm chính, tiếng “ chiến ” có âm cuối nên dấu thanh đặt ở chữ cái thứ 2 nguyên âm đôi. “ nghĩa ” không có âm cuối dấu thanh đặt ở chữ cái thứ 1 của nguyên âm đôi.
4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)	
- Em hãy nêu quy tắc đánh dấu thanh các tiếng của cá từ sau: <i>khoáng sản, thường luồng, luống cuống</i>	- HS trả lời
- Tìm hiểu thêm một số quy tắc chính tả khác .	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Đạo đức
Bài 3: CÓ CHÍ THÌ NÊN (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết được một số biểu hiện cơ bản của người sống có ý chí.
- Người có ý chí có thể vượt qua được những khó khăn trong cuộc sống.
- Cảm phục và noi theo những tấm gương có ý chí vượt lên khó khăn để trở thành những người có ích trong gia đình và xã hội.

* **Bổ sung:** Phần Lồng ghép GDKNS:

- Kỹ năng tư duy phê phán (biết phê phán, đánh giá những quan niệm, những hành vi thiếu ý chí trong học tập và trong cuộc sống)
- Kỹ năng đặt mục tiêu vượt khó khăn vươn lên trong cuộc sống và trong học tập.
- Trình bày suy nghĩ, ý tưởng.

2. Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

3. Phẩm chất: Trung thực trong học tập và cuộc sống. Có ý chí vượt khó.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Máy tính, bài giảng PowerPoint, một số mẩu chuyện về những tấm gương vượt khó như Nguyễn Ngọc Kí. Nguyễn Đức Trung...

- **Học sinh:** Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu: (5 phút)	
- Cho HS hát - Yêu cầu HS nêu ghi nhớ của bài học trước - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS nêu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (14 phút)	
* Mục tiêu: - Biết được một số biểu hiện cơ bản của người sống có ý chí. - Người có ý chí có thể vượt qua được những khó khăn trong cuộc sống.	
* Cách tiến hành:	
* Hoạt động 1: HS tìm hiểu thông tin về tấm gương vượt khó của Trần Bảo Đồng. - Yêu cầu HS đọc thông tin về Trần Bảo Đồng trong SGK - Yêu cầu HS thảo luận cả lớp theo câu hỏi trong SGK. + <i>Trần Bảo Đồng đã gặp những khó khăn gì trong cuộc sống và trong học tập?</i> + <i>Trần Bảo Đồng đã vượt khó khăn để vươn lên như thế nào?</i>	- HS đọc SGK 1 HS đọc to cả lớp cùng nghe. - HS đọc câu hỏi trong SGK và trả lời - Nhà nghèo, đông anh em, cha hay đau ốm, hàng ngày còn phải giúp mẹ bán bánh mì. - Đồng đã sử dụng thời gian hợp lý và phương pháp học tập tốt. Nên suốt 12 năm học Đồng luôn luôn là học sinh

Hoạt động GV	Hoạt động HS
+ Em học tập được những gì từ tấm gương đó? - KL: Từ tấm gương Trần Bảo Đồng ta thấy: Dù gặp phải hoàn cảnh rất khó khăn, nhưng nếu có quyết tâm cao và biết sắp xếp thời gian hợp lí thì vẫn có thể vừa học tốt vừa giúp được gia đình mọi việc. * Hoạt động 2: Xử lí tình huống - GV chia lớp thành nhóm 4. Mỗi nhóm thảo luận 1 tình huống + Tình huống 1: Đang học lớp 5, một tai nạn bất ngờ đã cướp đi của Khôi đôi chân khiến em không thể đi được. Trong hoàn cảnh đó, Khôi có thể sẽ như thế nào? + Tình huống 2: Nhà Thiên rất nghèo, vừa qua lại bị lũ lụt cuốn trôi hết nhà cửa đồ đạc. Theo em, trong hoàn cảnh đó, Thiên có thể làm gì để có thể tiếp tục đi học. - GV: Trong những tình huống trên, người ta có thể tuyệt vọng, chán nản, bỏ học... biết vượt qua mọi khó khăn để sống và tiếp tục học tập mới là người có chí. 3. Hoạt động luyện tập, thực hành: Làm bài tập 1-2 Trong SGK (14 phút) - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 - GV nêu lần lượt từng trường hợp, HS giơ thẻ màu thể hiện sự đánh giá của mình Bài 1: Những trường hợp dưới đây là biểu hiện của người có ý chí? + Nguyễn Ngọc Kí bị liệt cả 2 tay, phải dùng chân để viết mà vẫn học giỏi. + Dù phải trèo đèo lội suối, vượt đường xa để đến trường nhưng mai vẫn đi học đều. + Vụ lúa này nhà bạn Phương mất mùa nên có khó khăn, Phương liền bỏ học. + Chữ bạn Hiếu rất xấu nhưng sau 2 năm kiên trì rèn luyện chữ viết, nay Hiếu viết vừa đẹp, vừa nhanh. Bài 2: Em có nhận xét gì về những ý kiến dưới đây? + Những người khuyết tật dù cố gắng học hành cũng chẳng để làm gì.	giỏi. Đỗ thủ khoa, được nhận học bổng Nguyễn Thái Bình, - Em học tập được ở Đồng ý chí vượt khó trong học tập, phấn đấu vươn lên trong mọi hoàn cảnh . - Các nhóm thảo luận - Đại diện nhóm lên trình bày ý kiến của nhóm - Lớp nhận xét bổ sung. - HS thảo luận nhóm 2 - HS giơ thẻ theo quy ước

Hoạt động GV	Hoạt động HS
+ "Có công mài sắt có ngày nên kim" + Chỉ con nhà nghèo mới cần có chí vượt khó, còn con nhà giàu thì không cần. + Con trai mới cần có chí. + Kiên trì sửa chữa bằng được một khiếm khuyết của bản thân (nói ngọng, nói lắp...) cũng là người có chí. - KL: Các em đã phân biệt rõ đâu là biểu hiện của người có ý chí. Những biểu hiện đó được thể hiện trong cả việc nhỏ và việc lớn, trong cả học tập và đời sống. - Ghi nhớ: SGK	- HS đọc ghi nhớ
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)	
- Qua bài học này, em học được điều gì ?	- HS nêu
- Suy tầm những mẫu chuyện có nội dung có chí thì nên.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Hướng dẫn học
CỦNG CỐ VỀ TỪ TRÁI NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- HS đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.
- Củng cố cho HS về từ trái nghĩa.
- Hoàn thành bài các môn học trong ngày.
- Có kĩ năng đọc thầm và trả lời câu hỏi.

2. Năng lực chung: Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, mở rộng vốn từ Tiếng Việt, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.
- HS: Vở luyện tập Tiếng Việt

Hoạt động Giáo viên	Hoạt động Học sinh
Hoạt động 1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. Hoạt động 2: * Đọc hiểu: Tất cả đều yêu hòa bình * Đọc đoạn: HS nối tiếp đọc các đoạn của bài (3 lượt) * Yêu cầu luyện đọc nhóm cặp * Đọc diễn cảm: - HS khá đọc bài. YC tìm cách đọc đúng, hay. - GV đọc mẫu. - HS đọc bài theo nhóm cặp. - Thi đọc diễn cảm - Nhận xét tuyên dương. - Phần tiếp theo yêu cầu gì? - Muốn khoanh đúng em dựa vào đâu? - Y/c HS làm bài - Y/c HS thảo luận nhóm đôi (1 p), - Chữa bài miệng. - GV tổ chức cho HS chữa bài: - GV chốt câu trả lời đúng: 1.b, 2.c, 3a, 4a, 5b, 6c. Hoạt động 3: Bài tập 1,2,3 Luyện từ và câu - Yêu cầu HS xác định y/c của bài	- HS thực hiện theo yêu cầu - Hs thực hiện YC - HS luyện đọc nhóm cặp * Luyện đọc diễn cảm - 1 HS khá đọc bài, cả lớp tìm cách đọc hay. - HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm 2. - 3 HS thi đọc - Hs nhận xét và bình chọn - Khoanh vào các ý đúng. - HS trả lời - HS chữa bài miệng. - 2 em ngồi cùng bàn trao đổi - 3 HS nối tiếp nêu - HS làm theo y/c của GV - 1 HS nêu

- HS tự làm vào vở, 2 em lên viết bảng phụ. - Gọi HS nhận xét. - Nhìn vào bảng em có nhận xét gì về từ trái nghĩa? - GV kết luận.	- HS làm theo y/c của GV - 2 HS nhận xét - HS trả lời.
Hoạt động 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3phút)	
- Hỏi học sinh: Câu chuyện muốn nói với các em điều gì? - Giáo viên đánh giá khen trước lớp.	

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Thứ ba ngày 26 tháng 9 năm 2023

Toán

Tiết 17: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

- Giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”. HS làm bài 1, bài 3, bài 4

2. Năng lực chung:

+ Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. **Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.

- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (5 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với các câu hỏi: + Tiết học trước ta học giải dạng toán nào? + Khi giải bài toán có liên quan đến tỉ lệ cùng tăng hoặc cùng giảm ta có mấy cách giải? Đó là những cách nào? - Giáo viên nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. HĐ thực hành: (25 phút) *Mục tiêu: Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”. *Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ nhóm - Giao nhiệm vụ cho HS đọc đề bài, thảo luận nhóm 4, trả lời câu hỏi và tìm cách giải, chẳng hạn như: + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? + Biết giá tiền 1 quyển vở là không đổi, nếu gấp số tiền mua vở lên 1 số lần thì số vở mua được sẽ như thế nào? - Giáo viên nhận xét	- Nhóm trưởng điều khiển nhóm thực hiện. <i>Mua 12 quyển vở: 24.000 đồng</i> <i>Mua 30 quyển vở... đồng?</i> - Khi số tiền gấp lên bao nhiêu lần thì số vở mua được gấp lên bấy nhiêu lần - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

Luyện từ và câu
Tiết 7: TỪ TRÁI NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Bước đầu hiểu thế nào là từ trái nghĩa, tác dụng của những từ trái nghĩa khi đặt cạnh nhau

- Nhận biết được từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ (BT1); biết tìm từ trái nghĩa với những từ cho trước (BT2, BT3). HS(M3,4) đặt được 2 câu để phân biệt cặp từ trái nghĩa tìm được ở BT3

2. Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Có ý thức sử dụng từ trái nghĩa cho phù hợp. Bồi dưỡng từ trái nghĩa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.

- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (3 phút)	
- Cho HS tổ chức thi đọc đoạn văn đoạn văn miêu tả có dùng từ đồng nghĩa. - Giáo viên nhận xét. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi đọc, nêu các từ đồng nghĩa đã sử dụng trong đoạn văn đó. - Lớp nhận xét đoạn văn bạn viết, nhận xét các từ đồng nghĩa bạn đã dùng đúng đúng chưa. - HS nhận xét, bình chọn bạn viết hay nhất. - HS ghi vở
2. HĐ hình thành kiến thức mới: (15 phút) *Mục tiêu: Bước đầu hiểu thế nào là từ trái nghĩa, tác dụng của những từ trái nghĩa khi đặt cạnh nhau *Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ cặp đôi - Cho HS đọc yêu cầu - Nêu các từ in đậm ? - Yêu cầu học sinh trao đổi theo cặp so sánh nghĩa của 2 từ <i>phi nghĩa, chính nghĩa</i>. - Em hiểu <i>chính nghĩa</i> là gì? - <i>Phi nghĩa</i> là gì? - Em có nhận xét gì về nghĩa của 2 từ chính nghĩa và phi nghĩa? - Giáo viên kết luận: hai từ “<i>chính nghĩa</i>” và “<i>phi nghĩa</i>” có nghĩa trái ngược nhau gọi là từ trái nghĩa.	- Học sinh đọc yêu cầu của bài. - <i>Phi nghĩa, chính nghĩa</i> - Học sinh thảo luận tìm nghĩa của từ <i>phi nghĩa, chính nghĩa</i> - Là đúng với đạo lý, điều chính đáng cao cả. - Phi nghĩa trái với đạo lý - Hai từ đó có nghĩa trái ngược nhau

- Qua bài tập em biết: Thế nào là từ trái nghĩa? Bài 2, 3: HĐ cặp đôi - Gọi HS đọc yêu cầu - Thảo luận nhóm đôi để tìm các từ trái nghĩa? - Tìm các cặp từ trái nghĩa trong câu? - Tại sao em cho đó là các cặp từ trái nghĩa? - Từ trái nghĩa trong câu có tác dụng gì? - Dùng từ trái nghĩa có tác dụng gì? - <i>Kết luận</i>: Ghi nhớ SGK	- Từ trái nghĩa là từ có nghĩa trái ngược nhau - Học sinh đọc yêu cầu bài tập. - Học sinh thảo luận nhóm, báo cáo kết quả: - Chết / sống; vinh/ nhục + <i>vinh</i>: được kính trọng, đánh giá cao; + <i>nhục</i>: bị khinh bỉ - Làm nổi bật quan niệm sống của người Việt Nam ta. Thà chết mà được tiếng thơm còn hơn sống mà bị người đời khinh bỉ. - Dùng từ trái nghĩa có tác dụng làm nổi bật sự vật, sự việc, hoạt động trạng thái đối lập nhau. - 3 học sinh nối tiếp ghi nhớ
3. HĐ luyện tập, thực hành: (15 phút) * Mục tiêu: - Nhận biết được từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ (BT1); biết tìm từ trái nghĩa với những từ cho trước (BT2, BT3). - HS(M3,4) đặt được 2 câu để phân biệt cặp từ trái nghĩa tìm được ở BT3 . * Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu học sinh tự làm bài: giáo viên gợi ý chỉ gạch dưới những từ trái nghĩa. - Giáo viên nhận xét. Bài 2: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Giáo viên yêu cầu học sinh tự làm bài - Giáo viên nhận xét Bài 3: HĐ nhóm - Giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm làm bài - Chia 4 nhóm: yêu cầu học sinh thảo luận từ trái nghĩa với các từ “hoà bình, thương yêu, đoàn kết, giữ gìn” - Giáo viên nhận xét	- Học sinh đọc yêu cầu. - HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả: - <i>đục/ trong; đen/ sáng; rách/ lành; dở/ hay</i> - Lớp nhận xét. - Học sinh đọc yêu cầu. - Lớp làm vở cá nhân, báo cáo kết quả. - HS nhận xét - Nhóm trưởng điều khiển - Học sinh trong nhóm thảo luận, tìm từ trái nghĩa. - Đại diện nhóm trình bày, lớp nhận xét - Hoà bình > < chiến tranh/ xung đột - Thương yêu > < căm giận/ căm

Bài 4: HD cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Học sinh tự làm bài - Trình bày kết quả - Giáo viên nhận xét	ghét/ căm thù - Đoàn kết > < chia sẻ/ bè phái - Giữ gìn > < phá hoại/ tàn phá - Học sinh đọc yêu cầu - HS đặt câu - 8 học sinh đọc nối tiếp câu mình đặt
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Tìm từ trái nghĩa trong câu thơ sau: <i>Nơi hăm tối lại là nơi sáng nhất</i> <i>Nơi con tìm ra sức mạnh Việt Nam.</i>	- Học sinh nêu
- Về nhà viết một đoạn văn ngắn khoảng 5 - 7 câu kể về gia đình em trong đó có sử dụng các cặp từ trái nghĩa.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Khoa học

Tiết 7: TỪ TUỔI VỊ THÀNH NIÊN ĐẾN TUỔI GIÀ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Xác định được bản thân mình đang ở vào giai đoạn nào?
- Nêu được các giai đoạn phát triển của con người từ tuổi vị thành niên đến tuổi già.

2. Năng lực chung: Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

3. Phẩm chất: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.
- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV		Hoạt động HS	
1. Hoạt động mở đầu: (5 phút)			
- Cho học sinh tổ chức chơi trò chơi: bắt thăm các hình 1, 2, 3, 5 của bài 6. Bắt được hình vẽ nào thì nói về lứa tuổi ấy. - Giáo viên nhận xét - Giới thiệu bài: Ghi đầu bài		- Học sinh trả lời lên bảng bắt thăm về giai đoạn phát triển của cơ thể mà bức ảnh bắt được. - Học sinh lắng nghe - HS ghi vở	
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25 phút)			
* Mục tiêu: Nêu được các giai đoạn phát triển của con người từ tuổi vị thành niên đến tuổi già.			
* Cách tiến hành:			
*Hoạt động 1: Đặc điểm con người ở từng giai đoạn: vị thành niên, trưởng thành, tuổi già. - Chia nhóm: phát cho mỗi nhóm một bộ hình 1, 2, 3, 4 SGK và yêu cầu học sinh quan sát trả lời câu hỏi: + Tranh minh họa giai đoạn nào của con người? + Nêu một số đặc điểm của con người ở giai đoạn đó? + Cơ thể con người ở giai đoạn đó phát triển như thế nào? + Con người có thể làm những việc gì?		- Học sinh thảo luận nhóm, quan sát tranh và trả lời câu hỏi, sau đó cử đại diện báo cáo kết quả.	
Giai đoạn	Hình minh họa	Đặc điểm	
Tuổi vị thành niên Từ 10 – 19 tuổi	1	- Đây là giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ con => người lớn thể hiện ở sự phát triển mạnh mẽ về thể chất, tinh thần, tình cảm và mối quan hệ xã hội. Như vậy, tuổi dậy thì nằm trong giai đoạn đầu của tuổi vị thành niên	

Tuổi trưởng thành Từ 20 – 60 tuổi	2 - 3	- Giai đoạn đầu: tâm vóc, thể lực phát triển nhất, các cơ quan trong cơ thể hoàn thiện. Lúc này có thể lập gia đình, chịu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.
Tuổi già Từ 60 - 65 tuổi trở lên	4	- Cơ thể dần suy yếu: chức năng hoạt động của các cơ quan giảm dần. Có thể kéo dài tuổi thọ bằng cách rèn luyện thân thể, sống điều độ và tham gia các hoạt động xã hội.

*Hoạt động 2: <i>Sưu tầm và giới thiệu người trong ảnh.</i> - Giáo viên kiểm tra ảnh của HS chuẩn bị - Chia nhóm 4: học sinh giới thiệu người trong ảnh mà mình sưu tầm được với các bạn trong nhóm: Họ là ai? Làm nghề gì? - Họ đang ở giai đoạn nào của cuộc đời, giai đoạn này có đặc điểm gì? - Yêu cầu học sinh trình bày trước lớp. - Giáo viên nhận xét, tuyên dương. * Hoạt động 3: <i>Ích lợi của việc biết được các giai đoạn phát triển của con người.</i> - Yêu cầu học sinh làm việc theo cặp trao đổi thảo luận để trả lời câu hỏi. - Tổ chức cho học sinh trình bày. + Chúng ta đang ở giai đoạn nào của cuộc đời? + Việc biết từng giai đoạn phát triển của con người có lợi ích gì? - Giáo viên nhận xét, tuyên dương - Giáo viên kết luận về giai đoạn phát triển của tuổi học sinh		- Học sinh đưa ra các bức ảnh mà mình chuẩn bị - Học sinh giới thiệu người trong ảnh với các bạn trong nhóm. - 5 -7 học sinh giới thiệu về người trong bức ảnh mà mình chuẩn bị. - 2 học sinh cùng bàn trao đổi, thảo luận - Giai đoạn đầu của tuổi vị thành niên hay tuổi dậy thì. - Biết được đặc điểm tuổi dậy thì giúp ta không e ngại, lo sợ về những biến đổi của cơ thể, về thể chất, tinh thần tránh được sự lồi kéo không lành mạnh, giúp ta có chế độ ăn uống, làm việc, học tập phù hợp , để cơ thể phát triển toàn diện
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (5 phút)		
- Giới thiệu với các bạn về những thành viên trong gia đình bạn và cho biết từng thành viên đang ở vào giai đoạn nào của cuộc đời ? - Em đã làm những gì để chăm sóc ông bà của em ?		- HS nghe và thực hiện - HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Lịch sử

Bài 4: XÃ HỘI VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết một vài điểm mới về tình hình kinh tế – xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX :
 - + Về kinh tế: Xuất hiện nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, đường ô tô, đường sắt.
 - + Về xã hội: Xuất hiện các tầng lớp mới: chủ xưởng, chủ nhà buôn, công nhân.
- HS khá giỏi :
 - + Biết được nguyên nhân của sự biến đổi kinh tế- xã hội nước ta: do chính sách tăng cường khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.
 - + Nắm được mối quan hệ giữa sự xuất hiện những ngành kinh tế mới đã tạo ra các tầng lớp, giai cấp mới trong xã hội .
- Nêu được các điểm mới về tình hình kinh tế - xã hội VN đầu thế kỉ XX.

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn.

3. Phẩm chất:

- + HS có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong các hoạt động
- + Giáo dục tình yêu thương quê hương đất nước
- + HS yêu thích môn học lịch sử

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.
- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (5 phút) - Cho HS tổ chức trò chơi "Hộp quà bí mật" với các câu hỏi sau: + Nguyên nhân nào dẫn đến cuộc phản công ở kinh thành Huế ngày 5/7/1885? + Cuộc phản công có tác dụng gì đến lịch sử nước ta? + Cuộc phản công này gắn với những nhân vật lịch sử nào ? - Giáo viên nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi trò chơi - HS lắng nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25 phút) * Mục tiêu: HS nắm được nội dung bài và trả lời được các câu hỏi theo yêu cầu. * Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Những thay đổi của nền kinh tế Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. -Trước khi thực dân Pháp xâm lược nền	- Học sinh đọc SGK, quan sát hình minh họa để trả lời câu hỏi. - Nông nghiệp là chủ yếu, tiểu thủ công

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

kinh tế Việt Nam có những ngành nào là chủ yếu? - Sau khi thực dân Pháp đặt ách thống trị ở Việt Nam, chúng đã thi hành những biện pháp nào để khai thác, bóc lột, vơ vét tài nguyên của nước ta? Những việc làm đó đã dẫn đến sự ra đời của những ngành kinh tế mới nào? - Ai được thừa hưởng những quyền lợi do sự phát triển kinh tế? - Yêu cầu học sinh phát biểu ý kiến. - Giáo viên kết luận. Hoạt động 2: <i>Những thay đổi trong xã hội Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 và đời sống của nhân dân.</i> - Chia học sinh thành nhóm 4 với các câu hỏi: + Trước khi thực dân Pháp xâm lược, xã hội Việt Nam có những tầng lớp nào? + Khi thực dân Pháp đặt ách thống trị ở Việt Nam xã hội Việt Nam có gì thay đổi? Có thêm những tầng lớp mới nào? + Nêu những nét chính về đời sống của công nhân và nông dân Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20? - Giáo viên tổng kết lại những ý học sinh trả lời, khắc sâu kiến thức và rút ra bài học	ng nghiệp cũng phát triển. - Xây nhà máy điện, nước, xi măng... - Cướp đất của nhân dân. - Lần đầu tiên có đường ô tô, đường ray xe lửa. - Pháp - HS phát biểu - HS nghe - Học sinh thảo luận nhóm, chia sẻ trước lớp + Có 2 giai cấp: địa chủ phong kiến và nhân dân. + Xuất hiện ngành kinh tế mới => kéo theo sự thay đổi của xã hội. + Thành thị phát triển có tầng lớp mới: viên chức, trí thức, chủ xưởng, giai cấp công nhân. + Nông dân mất ruộng đói nghèo phải vào làm thuê trong các nhà máy, xí nghiệp. Đời sống cực khổ. - 2 HS nêu bài học.
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (5 phút)	
- Nguyên nhân nào dẫn đến sự biến đổi kinh tế - xã hội nước ta?	- Do thực dân Pháp xâm lược nước ta.
- Sưu tầm các hình ảnh tư liệu lịch sử về đời sống cùng cực của nhân ta cuối thế kỉ 19 và đầu thế kỉ 20.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Hướng dẫn học
CÙNG CỐ VỀ GIẢI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN TỈ LỆ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Cùng cố về cách giải bài toán liên quan đến tỉ lệ đơn vị.
- Hoàn thành bài các môn học trong ngày.
- Có kĩ năng giải toán liên quan đến tỉ lệ.

2. Năng lực chung: Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.
- HS: Vở luyện tập Toán

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động Giáo viên	Hoạt động Học sinh
Hoạt động 1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn. Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: (Bài 1, 2, 3 trang 19,20 – Luyện tập Toán Toán) * Bài 1: - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài thuộc dạng toán nào? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách làm. * Bài 2: - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài cho biết gì? Yêu cầu tìm gì? - Bài thuộc dạng toán gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - GV nhận xét * Bài 3: - Gọi 1 HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu tìm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài,	- HS thực hiện theo yêu cầu - 1 em đọc đề bài - Thuộc dạng toán rút về đơn vị - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu - 1 em đọc đề bài - Cho biết Tiền công sơn 5m tường rào là 180 000đ. Hỏi 20m tường sơn hết bao nhiêu tiền? - Hs TL - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời - 1 em đọc - 4 ngày – 260 cái áo ...ngày – 585 cái áo? - HS thực hiện theo yêu cầu

1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét. *Bài 4: - Gọi 1 HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu tìm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét.	- HS nhận xét - HS đọc đề bài - 8kg – 96 000 đ - Mua thêm 4kg. Hỏi tổng hết bao nhiêu tiền? - HS làm bài.
Hoạt động 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3phút)	
Nêu cách giải toán tìm 2 số khi biết liên quan đến tỉ lệ. - Giáo viên đánh giá khen trước lớp.	- HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Thứ tư ngày 27 tháng 9 năm 2023

Toán

Tiết 18: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ GIẢI TOÁN (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết một dạng quan hệ tỉ lệ (đại lượng này gấp lên bao nhiêu lần thì đại lượng tương ứng lại giảm đi bấy nhiêu lần).
- Biết giải bài toán liên quan đến quan hệ tỉ lệ này bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

2. Năng lực chung:

- + Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,
- + Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.
- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (5 phút)	
- Cho học sinh hát tập thể - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS viết vở
2. HĐ hình thành kiến thức mới: (20 phút)	
*Mục tiêu: Biết một dạng quan hệ tỉ lệ (đại lượng này gấp lên bao nhiêu lần thì đại lượng tương ứng lại giảm đi bấy nhiêu lần). *Cách tiến hành:	
* HĐ 1: Giáo viên nêu ví dụ SGK - Giáo viên cho học sinh quan sát rồi gọi nhận xét. *HĐ 2: Giới thiệu bài toán và cách giải. - Giáo viên yêu cầu HS thảo luận giải bài tập theo 2 cách.	- Học sinh tự tìm kết quả số bao gạo có được khi chia hết 100 kg gạo vào các bao rồi điền vào bảng. - “Khi số kg gạo ở mỗi bao gấp lên bao nhiêu lần thì số bao gạo lại giảm đi bấy nhiêu lần”. - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận tìm cách giải sau đó chia sẻ trước lớp. * Cách 1: “Rút về đơn vị” Muốn đắp nền nhà trong 1 ngày, cần số người là: $12 \times 2 = 24$ (người) Muốn đắp nền nhà trong 4 ngày cần số người là:

- GVKL: Có 2 cách giải dạng toán này đó là rút về đơn vị và dùng tỉ số.	$24 : 4 = 6$ (người) Đáp số: 6 người. * Cách 2: “Dùng tỉ số” 4 ngày gấp 2 ngày số lần là: $4 : 2 = 2$ (lần) Muốn đắp nền nhà trong 4 ngày, cần số người là: $12 : 2 = 6$ (người) Đáp số: 6 người - HS nghe
3. HĐ luyện tập, thực hành: (10 phút) * Mục tiêu: Biết giải bài toán liên quan đến quan hệ tỉ lệ này bằng một trong hai cách “ Rút về đơn vị” hoặc “ Tìm tỉ số” .Học sinh cả lớp làm được bài 1 . * Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ cá nhân - Yêu cầu học sinh cách giải bằng cách rút về đơn vị. Tóm tắt: 7 ngày: 10 người 5 ngày: . . . người	- Học sinh làm bài cá nhân, chia sẻ trước lớp. Giải Muốn làm xong công việc trong 1 ngày cần: $10 \times 7 = 70$ (người). Muốn làm xong công việc trong 5 ngày cần: $70 : 5 = 14$(người). Đáp số: 14 người
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)	
- Cho HS vận dụng kiến thức làm bài tập sau: <i>Mua 5 quyển sách cùng loại hết 45500 đồng. Hỏi mua 30 quyển sách như thế hết bao nhiêu tiền?</i>	- HS thực hiện Giải : <i>Giá tiền 1 quyển sách là :</i> $45\ 500 : 5 = 9\ 100$ (đồng) <i>Mua 30 quyển sách như thế hết số tiền là:</i> $9\ 100 \times 30 = 273\ 000$ (đồng) <i>Đáp số : 273 000 (đồng)</i>
- Về nhà giải bài toán ở phần ứng dụng bằng cách khác.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Kể chuyện
Tiết 4: TIẾNG VĨ CẦM Ở MỸ LAI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu được ý nghĩa chuyện: Ca ngợi người Mỹ có lương tâm dũng cảm đã ngăn chặn và tố cáo tội ác của quân đội Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam .
- Dựa vào lời kể của giáo viên, hình ảnh minh họa và lời thuyết minh , kể lại được câu chuyện Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai đúng ý ngắn gọn rõ các chi tiết trong truyện . Kết hợp với cử chỉ điệu bộ một cách tự nhiên .

* GD BVMT: Khai thác gián tiếp nội dung bài: Gv liên hệ: Giặc Mỹ không chỉ giết hại trẻ em, cụ già ở Mỹ Lai mà còn tàn sát, huỷ diệt cả môi trường sống của con người (Thiêu cháy nhà cửa, ruộng vườn, giết hại gia súc, ...).

2. Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Thích kể chuyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.

- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (3 phút)	
- Cho HS tổ chức thi đua: Kể lại một việc làm tốt góp phần xây dựng quê hương đất nước của một người em biết. - GV nhận xét chung - Giới thiệu bài - Ghi đầu bài lên bảng	- HS thi kể. - HS bình chọn bạn kể hay, đúng yêu cầu. - HS ghi vở
2. HĐ hình thành kiến thức mới:	
2.1. Nghe kể chuyện: (10 phút)	
*Mục tiêu:	
- HS biết kể lại từng đoạn câu chuyện (M1,2) - Một số HS kể được toàn bộ câu chuyện	
*Cách tiến hành:	
* Giáo viên kể mẫu: - Giáo viên kể lần 1: kết hợp tranh ảnh. - Giáo viên kể lần 2: kết hợp tranh ảnh. + Đoạn 1: Giọng chậm rãi, trầm nặng. + Đoạn 2: Giọng nhanh hơn, căm hờn, nhấn giọng những từ ngữ tả tội ác của lính Mỹ. + Đoạn 3: Giọng hồi hộp.	- Học sinh nghe. - HS nghe + Ảnh 1: Cựu chiến binh Mỹ Mai- cơ, ông trở lại Việt Nam với mong ước đánh một bản đàn cầu nguyện cho linh hồn của những người đã khuất ở Mỹ Lai . + Ảnh 2: Năm 1968 quân đội Mỹ đã huỷ diệt Mỹ Lai, với những

+ Đoạn 4: Giới thiệu ảnh tư liệu. + Đoạn 5: Giới thiệu ảnh 6, 7.	bằng chứng về vụ thảm sát. + Ảnh 3: Hình ảnh chiếc trực thăng của Tôm-xon và đồng đội đậu trên cách đồng Mỹ Lai tiếp cứu 10 người dân vô tội. + Ảnh 4: Hai lính Mỹ đang dìu anh lính da đen Hơ-bớt, tự bắn vào chân mình để khỏi tham gia tội ác. + Ảnh 5: Nhà báo Tô-nan đã tố cáo vụ thảm sát Mỹ Lai trước công chúng. - Tôm-xon và Côn-bon đã trở lại Việt Nam sau 30 năm xảy ra vụ thảm sát.
2.2. Hoạt động thực hành kể chuyện(15 phút)	
* Mục tiêu: HS kể được từng đoạn, cả câu chuyện	
* Cách tiến hành:	
- Tổ chức hoạt động nhóm đôi. Tập kể từng đoạn nối tiếp trong nhóm - Tổ chức cho HS thi kể - Lớp bình chọn người kể hay	- HS kể trong nhóm - HS thi kể - HS bình chọn người kể hay
3. HĐ tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện: (7 phút)	
* Mục tiêu: HS nắm được nội dung và ý nghĩa của câu chuyện.	
* Cách tiến hành:	
- Hướng dẫn học sinh kể, trao đổi ý nghĩa câu chuyện. - GVKL:	- Nhóm trưởng điều khiển các bạn trong nhóm thảo luận tìm ý nghĩa câu chuyện: + Ca ngợi người Mỹ có lương tâm dũng cảm đã ngăn chặn và tố cáo tội ác của quân đội Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam .
4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (5 phút)	
- Học sinh nêu ý nghĩa câu chuyện. - Giáo viên nhận xét tiết học.	- HS nêu - Lắng nghe và thực hiện
- Về nhà kể lại câu chuyện này cho mọi người nghe.	- Nghe và thực hiện.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Kĩ thuật

MỘT SỐ DỤNG CỤ NẤU ĂN VÀ ĂN UỐNG TRONG GIA ĐÌNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết đặc điểm, cách sử dụng, bảo quản một số dụng cụ nấu ăn và ăn uống thông thường trong gia đình.
- Biết giữ vệ sinh an toàn trong quá trình sử dụng dụng cụ nấu ăn, ăn uống. Biết chọn loại bếp nấu ăn tiết kiệm năng lượng. Có thể sử dụng năng lượng mặt trời hoặc khí bioga để nấu ăn tiết kiệm năng lượng.
- Có ý thức bảo quản, giữ vệ sinh trong gia đình, sử dụng dụng cụ đun, nấu, ăn uống.

2. Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

3. Phẩm chất: Giáo dục tính cẩn thận, tỉ mỉ và kiên trì cho học sinh. Yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** + Tranh một số dụng cụ nấu ăn và ăn uống thông thường.

Bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

- **Học sinh:** SGK, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- GV nhận xét bài thực hành theo dấu nhân tiết trước. - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS - Giới thiệu bài: GV giới thiệu-chiếu màn hình	
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (15 phút) <i>* Mục tiêu:</i> Biết đặc điểm, cách sử dụng, bảo quản một số dụng cụ nấu ăn và ăn uống thông thường trong gia đình. <i>(Lưu ý nhóm học sinh (M1,2) nắm được nội dung bài)</i> <i>* Cách tiến hành:</i>	
<i>* Hoạt động 1: Xác định các dụng cụ đun nấu, ăn uống thông thường trong gia đình:</i> - Yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: + Em hãy kể tên các dụng cụ nấu ăn trong gia đình em? - GV ghi tên các dụng cụ theo 5 nhóm (SGK) - GV nhận xét và nhắc lại <i>* Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm, cách sử dụng, cách bảo quản một số</i>	+ Bếp ga, củi, than, chén, ly, chảo xoong..... + HS nhắc lại theo 5 nhóm

dụng cụ đun nấu, ăn uống trong gia đình: - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo yêu cầu - GV nhận xét và chốt lại - Gọi hs đọc ghi nhớ sgk		- HS chia 3 nhóm đọc các mục 1, 2, 3, 4, 5. Quan sát các hình sgk, hình thành phiếu. - Đại diện các nhóm trình bày, bổ sung - 5 hs đọc	
Loại dụng cụ	Tên các dụng cụ cùng loại	Tác dụng	Sử dụng, bảo quản
Bếp đun			
Dụng cụ nấu ăn			
Dụng cụ dùng để trình bày thức ăn, uống			
Dụng cụ cắt thái thực phẩm			
Các dụng cụ khác			
*Hoạt động 3: Đánh giá kết quả học tập: - GV cho hs thi tiếp sức 3 nhóm lên TLCH cuối bài - GV nhận xét, kết luận		- HS các tổ nối tiếp trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.	
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3phút)			
- Sau khi sử dụng xong dụng cụ nấu ăn, em sẽ làm gì để các dụng cụ đó được sạch sẽ và bền đẹp ?		- HS nêu	

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Hướng dẫn học
CÙNG CỐ VỀ GIẢI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN TỈ LỆ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Cùng cố về cách giải bài toán liên quan đến tỉ lệ đơn vị.
- Hoàn thành bài các môn học trong ngày.
- Có kĩ năng giải toán liên quan đến tỉ lệ.

2. Năng lực chung: Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.
- HS: Vở luyện tập Toán

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động Giáo viên	Hoạt động Học sinh
Hoạt động 1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn.	- HS thực hiện theo yêu cầu
Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: Bài 1, 2, 3(21-22) <u>Bài 1:</u> - Yêu cầu HS đọc đề bài. - Bài cho biết gì ? Yêu cầu tính gì? - Bài thuộc dạng toán gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS chữa bài làm trên bảng. Yêu cầu HS giải thích cách làm. <u>Bài 2:</u> - Gọi 1 HS đọc yêu cầu bài + Đề cho biết gì? + Đề bài yêu cầu gì? - Bài thuộc dạng toán gì? - Gọi 1 em làm bài trên bảng phụ, cả lớp làm vở - Gọi hs nhận xét bài làm của bạn - GV nhận xét kl: <u>Bài 3:</u> - Gọi 1 HS đọc đề bài + Đề bài cho biết gì? + Yêu cầu tìm gì?	- 1 HS đọc - HS trả lời - HS trả lời - HS tự làm bài, 1 HS làm bảng nhóm rồi chữa bài. - HS lần lượt thực hiện theo yêu cầu của gv - 1 HS đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS trả lời - 1 HS lên bảng làm bài, lớp làm theo yêu cầu. - HS thực hiện theo yêu cầu - 1 HS đọc - HS trả lời. - HS trả lời.

- Bài thuộc dạng toán gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở. - Gọi HS làm bài trên bảng	- HS trả lời. - HS tự làm bài - 2 em lên bảng làm bài
*Bài 4: - Gọi 1 HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu tìm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét.	- HS đọc đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS làm bài.
Hoạt động 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3phút)	
Nêu cách giải toán tìm 2 số khi biết liên quan đến tỉ lệ. - Giáo viên đánh giá khen trước lớp.	- HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Thứ năm ngày 28 tháng 9 năm 2023

Toán

Tiết 19: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng 1 trong 2 cách “Rút về đơn vị” hoặc “tìm tỉ số”.
- Giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng 1 trong 2 cách “Rút về đơn vị” hoặc “tìm tỉ số”

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,
- + Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.
- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (5 phút) - Chơi trò chơi: <i>Trời - Đất- Nước</i> (GV hô Trời, HS phải nêu tên được 1 con vật sống trên trời, hô Cá, HS phải nói được là Nước,...) - Nêu mối quan hệ giữa các đại lượng tỉ lệ nghịch. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - ghi đầu bài lên bảng	- HS tham gia trò chơi để tạo không khí vui vẻ trước khi vào giờ học. - 2 học sinh nêu - Lớp nhận xét - HS ghi vở
2. HĐ thực hành: (25 phút) *Mục tiêu: Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng 1 trong 2 cách “Rút về đơn vị” hoặc “tìm tỉ số”. HS cả lớp làm được bài 1, 2 . *Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu - Cho HS thảo luận nhóm để làm bài + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? + Cùng số tiền đó, khi giá tiền 1 quyển vở giảm đi số lần thì số quyển vở thay đổi như thế nào? - Yêu cầu học sinh làm bài - Yêu cầu học sinh nêu bước tìm “tỉ số” trong bài giải	- Học sinh đọc đề, lớp đọc thầm - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận - Số quyển vở mua được sẽ gấp lên bấy nhiêu lần - Học sinh làm theo 2 cách

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

- Giáo viên đánh giá *Cách 2: 3.000 đồng gấp 1500 đồng số lần là: $3.000 : 1500 = 2$ (lần). Nếu 1 quyển giá 1500 đồng thì mua được số vở là: $25 \times 2 = 50$ (quyển) Đáp số : 50 quyển Bài 2: HĐ cặp đôi - Gọi HS đọc yêu cầu, thảo luận cặp đôi làm bài theo gợi ý: + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? + Tổng thu nhập của gia đình không đổi, khi tăng số con thì thu nhập bình quân của mỗi người hàng tháng thay đổi như thế nào? + Muốn biết trung bình hàng tháng của 1 người giảm bao nhiêu, chúng ta phải làm gì ? - Yêu cầu học sinh làm bài. <i>Tóm tắt:</i> 3 người : 800.000 đồng / người / tháng 4 người : ... đồng / người / tháng	* Cách 1 : Người đó có số tiền là: $3000 \times 25 = 75.000$ (đồng). Nếu 1 quyển giá 1500 đồng thì mua được số quyển là: $75.000 : 1500 = 50$ (quyển). Đáp số : 50 quyển - Học sinh đọc đề, HS đọc thầm, thảo luận cặp đôi làm bài. - Tổng thu nhập không đổi, khi số người tăng thu nhập bình quân của một người sẽ giảm. - Tính xem khi có 4 người thì thu nhập trung bình hàng tháng của mỗi người là bao nhiêu. - Học sinh làm bài cặp đôi, đổi vở để kiểm tra chéo.
3. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (5 phút)	
- Yêu cầu HS vận dụng kiến thức làm bài tập sau: <i>Cứ 10 công nhân trong một ngày sửa được 40 m đường. Với năng suất như vậy thì 20 công nhân làm trong một ngày sẽ sửa được bao nhiêu mét đường?</i>	- HS về nhà làm bài

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Tập đọc
Tiết 8: BÀI CA VỀ TRÁI ĐẤT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ: Mọi người hãy sống vì hoà bình chống chiến tranh, bảo vệ quyền bình đẳng của các dân tộc.(Trả lời các câu hỏi trong SGK, học thuộc 1,2 khổ thơ). Học thuộc ít nhất 1 khổ thơ .
- Bước đầu biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng vui, tự hào .
- HS HTT học thuộc và đọc diễn cảm được toàn bộ bài thơ .

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Có trách nhiệm bảo vệ môi trường sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.
- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (3 phút)	
- Cho HS tổ chức trò chơi "Hộp quà bí mật" với nội dung đọc một đoạn trong bài “Những con sếu bằng giấy” và trả lời câu hỏi trong SGK. - Nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. HĐ hình thành kiến thức mới:	
2.1. Luyện đọc: (12 phút)	
*Mục tiêu:	
- Rèn đọc đúng từ - Rèn đọc đúng câu, từ, đoạn. - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới.	
*Cách tiến hành:	
- Một học sinh đọc tốt đọc toàn bộ bài thơ. - Đọc nối tiếp từng khổ thơ trong nhóm - Luyện đọc theo cặp - Đọc toàn bài - Giáo viên đọc diễn cảm toàn bài: Giọng vui tươi, hồn nhiên, nhấn giọng vào từ gợi tả, gợi cảm.	- Cả lớp theo dõi - Nhóm trưởng điều khiển + Lần 1: Đọc + luyện đọc từ khó, câu khó. + Lần 2: Đọc + giải nghĩa từ - Học sinh luyện đọc theo cặp. - HS đọc cả bài.
2.2. HĐ Tìm hiểu bài: (8 phút)	
*Mục tiêu Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ: mọi người hãy sống vì hoà bình	

chống chiến tranh, bảo vệ quyền bình đẳng của các dân tộc.(Trả lời các câu hỏi trong SGK, học thuộc 1,2 khổ thơ) *Cách tiến hành:	
- Cho học sinh đọc thầm bài thơ rồi trao đổi thảo luận để trả lời câu hỏi: 1. Hình ảnh trái đất có gì đẹp? 2. Em hiểu hai câu cuối khổ thơ 2 nói gì? 3. Chúng ta phải làm gì để giữ bình yên cho trái đất? 4. Nội dung chính của bài là gì ? - Giáo viên tổng kết ý chính. - Nội dung: giáo viên ghi bảng.	- Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận trả lời câu hỏi rồi báo cáo, chia sẻ trước lớp - Trái đất giống như quả bóng xanh bay giữa bầu trời xanh: có tiếng chim bồ câu và những cánh hải âu vờn sóng biển. - Mỗi loài hoa có vẻ đẹp riêng nhưng loài hoa nào cũng quý cũng thơm như mọi trẻ em trên thế giới dù khác màu da nhưng đều bình đẳng, đều đáng quý đáng yêu. - Phải chống chiến tranh, chống bom nguyên tử, bom hạt nhân, vì chỉ có hoà bình, tiếng hát tiếng cười mới mang lại sự bình yên, sự trẻ mãi không già cho trái đất. - Mọi người hãy sống vì hoà bình chống chiến tranh, bảo vệ quyền bình đẳng của các dân tộc - Học sinh đọc lại.
3. HĐ Đọc diễn cảm và học thuộc lòng: (8 phút) *Mục tiêu: - HS đọc đúng, ngắt nghỉ đúng chỗ, biết nhấn giọng ở những từ ngữ cần thiết. - Học thuộc lòng ít nhất một khổ thơ *Cách tiến hành:	
- Học sinh đọc nối tiếp bài thơ. - Hướng dẫn các em đọc đúng. - Hướng dẫn luyện đọc diễn cảm khổ thơ 1, 2, 3. - Giáo viên đọc mẫu khổ thơ 1, 2, 3. - Giáo viên tổ chức cho học sinh thi học thuộc lòng.	- Học sinh chú ý. - Học sinh luyện đọc diễn cảm theo cặp. - Học sinh nhắm học thuộc lòng bài thơ. - HS thi học thuộc lòng - Cả lớp hát bài hát: <i>Bài ca trái đất</i> .
4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)	
- Em sẽ làm gì để cho trái đất mãi mãi hòa bình?	- HS nghe và thực hiện
- Hãy vẽ một bức tranh về trái đất theo trí tưởng tượng của em.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Tập làm văn
Tiết 7: LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Lập được dàn ý cho bài văn tả ngôi trường đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài; biết lựa chọn được những nét nổi bật để tả ngôi trường.

- Dựa vào dàn ý viết được một đoạn văn miêu tả hoàn chỉnh, sắp xếp các chi tiết hợp lí.

2. Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: HS cảm nhận được vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên, giáo dục bảo vệ môi trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.

- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (5 phút)	
- Cho học sinh thi đọc đoạn văn tả cơn mưa - Giáo viên nhận xét - Kiểm tra kết quả quan sát trường học của học sinh đã chuẩn bị. - Giáo viên nhận xét - Giáo viên giới thiệu dựa vào kết quả quan sát về trường học để lập dàn ý cho bài văn tả trường học, viết một đoạn văn trong bài này.	- Học sinh thi đọc - Lớp theo dõi, nhận xét - HS chuẩn bị - Học sinh lắng nghe - Ghi vở
2. HĐ thực hành: (25 phút)	
*Mục tiêu: Lập được dàn ý cho bài văn tả ngôi trường đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài; biết lựa chọn được những nét nổi bật để tả ngôi trường. *Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ nhóm - HS đọc yêu cầu và các lưu ý SGK. - Giáo viên đưa câu hỏi gợi ý. + Đối tượng em định miêu tả cảnh là gì? + Thời gian em quan sát vào lúc nào? + Em tả những phần nào của cảnh? + Tình cảm của em đối với mái trường ntn ? - Yêu cầu học sinh tự lập dàn ý.	- Học sinh đọc yêu cầu bài, lớp theo dõi - Nhóm trưởng điều khiển nhóm - Lần lượt từng em nêu ý kiến của mình : Ngôi trường của em - Buổi sáng/trước buổi học/sau giờ tan học. + Tả cảnh sân trường. + Lớp học, vườn trường, phòng truyền thống, hoạt động của thầy và trò. - 1 HS(M3,4) viết bảng nhóm,

Lưu ý: đọc kỹ phần lưu ý. + Xác định góc quan sát, đặc điểm chung và riêng của cảnh vật. Quan sát bằng nhiều giác quan: màu sắc, âm thanh, đường nét, hương vị, sắc thái, chú ý các điểm nổi bật gây ấn tượng. - Trình bày kết quả - Giáo viên nhận xét, sửa chữa - Mở bài: + Trường em là trường Tiểu học Xuân Trúc. + Ngôi trường khang trang nằm ở trung tâm xã, ngay sát con đường to trải bê tông phẳng lỳ. - Thân bài: Tả từng phần của trường. + Nhìn từ xa: ngôi trường xinh xắn hiện hoà dưới những cây cổ thụ. + Trường: tường sơn màu vàng thật sang trọng. + Cổng trường sơn màu xanh đậm. + Sân trường đổ bê tông, lát gạch kiên cố. + Bàn, phượng, hoa sữa như cái ô khổng lồ che mát sân trường. Giờ chơi sân trường thật là nhộn nhịp. + Lớp học : dãy nhà 2 tầng với các phòng học rộng rãi, thoáng mát, có đèn điện, quạt trần, cửa sổ và cửa ra vào sơn màu xanh rất đẹp. + Bàn ghế: ngay ngắn gọn gàng. + Thư viện: có nhiều sách báo. - Kết bài: em yêu quý, tự hào về trường em Bài 2: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Em chọn đoạn văn nào để miêu tả? - Yêu cầu HS tự làm bài: viết một đoạn phần thân bài - HS trình bày phần viết của mình. - Giáo viên nhận xét	HS còn lại viết vào vở. - Học (M3,4) trình bày. - Học sinh đọc yêu cầu. - Tả sân trường. -Tả lớp học. - Học sinh làm cá nhân - HS trình bày kết quả - Lớp theo dõi nhận xét
3. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (5 phút)	
- Trong đoạn văn em vừa viết thì em thích nhất hình ảnh nào ? Vì sao ?	- HS nêu
- Về nhà viết lại đoạn văn chưa đạt.	- Lắng nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Khoa học

Tiết 8: VỆ SINH Ở TUỔI DẬY THÌ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được những việc nên và không nên làm để giữ vệ sinh, bảo vệ sức khỏe ở tuổi dậy thì.

- Thực hiện vệ sinh cá nhân ở tuổi dậy thì.

- Có ý thức giữ gìn vệ sinh thân thể

* GD BVMT: Mức độ tích hợp liên hệ, bộ phận: Mối quan hệ giữa con người với môi trường: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường. Từ đó phải có ý thức BVMT chính là BV con người.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự nhận thức những việc nên làm và không nên làm để giữ gìn VS cơ thể, bảo vệ sức khỏe thể chất tinh thần ở tuổi dậy thì.

- Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

3. Phẩm chất: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.

- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu: (5 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắt tên" với nội dung sau: + Nêu các giai đoạn phát triển của con người ? + Nêu đặc điểm của con người trong giai đoạn vị thành niên? + Nêu đặc điểm của con người trong giai đoạn trưởng thành? + Nêu đặc điểm của con người trong giai đoạn tuổi già? - Giáo viên nhận xét - Giới thiệu bài: Ghi đầu bài	- Học sinh chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (25 phút)	
* Mục tiêu: Nêu được những việc nên và không nên làm để giữ vệ sinh, bảo vệ sức khỏe ở tuổi dậy thì. * Cách tiến hành:	
*Hoạt động 1: Những việc nên làm để giữ vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì. - Cho HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi:	- Nhóm trưởng điều khiển các bạn trả lời câu hỏi.

+ Em làm gì để giữ vệ sinh cơ thể ? - KL: Tuổi dậy thì bộ phận sinh dục phát triển, nữ có kinh nguyệt, nam có hiện tượng xuất tinh, cần vệ sinh sạch sẽ và đúng cách - Phát phiếu học tập cho học sinh. Lưu ý phiếu của học sinh nam riêng, học sinh nữ riêng - Yêu cầu học sinh đọc và tự làm bài. - Trình bày kết quả - Giáo viên nhận xét rút ra kết luận Hoạt động 2: Những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ sức khỏe ở tuổi dậy thì. - Chia 4 nhóm: - Yêu cầu học sinh thảo luận tìm những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ sức khỏe về thể chất, tinh thần ở tuổi dậy thì? - Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả thảo luận. - GV chốt: Ở tuổi dậy thì, chúng ta cần ăn uống đủ chất, tăng cường luyện tập TDTT, vui chơi giải trí lành mạnh; tuyệt đối không sử dụng các chất gây nghiện như thuốc lá, rượu...; không xem phim ảnh hoặc sách báo không lành mạnh - Giáo viên nhận xét, khen ngợi	+ Thường xuyên tắm giặt gội đầu. + Thường xuyên thay quần lót. + Thường xuyên rửa bộ phận sinh dục - Học sinh nhận phiếu - Học sinh tự làm bài. - HS trình bày kết quả - 1 học sinh đọc mục: bạn cần biết - Thảo luận nhóm. - Học sinh quan sát trang 19 SGK và dựa vào hiểu biết thực tế của mình trả lời - HS báo cáo kết quả - HS nghe
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (5 phút)	
- Nếu bạn bè rủ em hút thuốc thì em sẽ làm gì ?	- HS trả lời
- Hãy viết một đoạn văn để tuyên truyền, vận động các bạn trong lớp tránh xa các chất kích thích, gây nghiện.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Địa lý
Tiết 4: SÔNG NGÒI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được một số đặc điểm chính và vai trò của sông ngòi VN
- Xác lập được mối quan hệ địa lí đơn giản giữa khí hậu và sông ngòi.
- Chỉ được vị trí một số con sông: Hồng, Thái Bình, Tiền, Hậu, Đồng Nai, Mã, Cả trên bản đồ (lược đồ).

- Nêu được vai trò thiên nhiên đối với con người. Trình bày một số vấn đề về môi trường. Đề xuất biện pháp xây dựng môi trường xanh – sạch – đẹp.

* GD sử dụng NLTK&HQ : Sông ngòi nước ta là nguồn thủy điện lớn và giới thiệu công suất sản xuất điện của một số nhà máy thủy điện ở nước ta : nhà máy thủy điện Hoà Bình, Y- a- li, Trị An.

2. Năng lực chung: Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn.

3. Phẩm chất: Giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước qua việc nắm rõ đặc điểm địa lý Việt Nam. GD bảo vệ môi trường : HS nắm được đặc điểm về môi trường tài nguyên và khai thác tài nguyên. - Sử dụng điện và nước tiết kiệm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.
- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (5 phút)	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" với các câu hỏi: + Nước ta thuộc đới khí hậu nào ? + Nêu đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa ở nước ta? + Khí hậu MB và MN khác nhau như thế nào? - Giáo viên nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi bảng
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25 phút) * Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài và trả lời được câu hỏi trong SGK. * Cách tiến hành:	
*Hoạt động 1: Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc. - Giáo viên treo lược đồ sông ngòi Việt Nam, giao nhiệm vụ cho HS quan sát, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi: + Đây là lược đồ gì ? Lược đồ này dùng để làm gì ? + Nước ta có nhiều hay ít sông? Phân bố ở	- Nhóm trưởng điều khiển nhóm quan sát, trả lời câu hỏi sau đó chia sẻ trước lớp. + Lược đồ sông ngòi Việt Nam dùng để nhận xét về sông ngòi của nước ta + Nước ta có nhiều sông, phân bố ở khắp đất nước.

đâu? Em có nhận xét gì về hệ thống sông ngòi ở Việt Nam? - Kết luận: nước ta có hệ thống sông ngòi dày đặc, phân bố ở khắp đất nước. + Kể tên và chỉ tên trên lược đồ vị trí của các con sông? - Giáo viên lưu ý học sinh dùng que chỉ các con sông theo dòng chảy từ nguồn tới biển (không chỉ vào 1 điểm) + Sông ngòi miền Trung có đặc điểm gì? + Vì sao sông ngòi miền Trung lại có đặc điểm đó? - Địa phương em có dòng sông nào? - Em có nhận xét gì về sông ngòi Việt Nam? - Giáo viên tóm tắt nội dung, kết luận *Hoạt động 2: Sông ngòi nước ta có lượng nước thay đổi theo mùa, sông có nhiều phù sa - Chia HS thành 4 nhóm: yêu cầu thảo luận nhóm hoàn thành bảng thống kê - Giáo viên sửa chữa, hoàn chỉnh câu trả lời của học sinh. - Lượng nước trên sông phụ thuộc vào yếu tố nào của khí hậu? - Mực nước của sông vào mùa lũ, khô có khác nhau không? Tại sao? * Hoạt động 3: Vai trò của sông ngòi. - Giáo viên tổ chức cho học sinh thi tiếp sức kể về vai trò của sông ngòi? - GV theo dõi, sửa sai .	- Các sông lớn: +Miền Bắc: sông Hồng, sông Đà, sông Thái Bình. +Miền Nam: sông Tiền, sông Hậu, sông Đồng Nai. +Miền Trung: sông Mã, sông Cả, sông Đà Rằng - Ngắn, dốc do miền Trung hẹp ngang, địa hình có độ dốc lớn. - Sông Hồng, ... - Dày đặc, phân bố khắp đất nước - Các nhóm thảo luận, hoàn thành bảng: - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung. - Phụ thuộc vào lượng mưa. - Mùa mưa: mưa nhiều, mưa to, nước sông dâng cao. - Mùa khô: ít mưa, nước sông hạ thấp, trơ lòng. Mùa mưa nước sông có màu đỏ đỏ là phù sa. - HS chơi trò chơi tiếp sức 1. Bồi đắp nên nhiều đồng bằng. 2. Cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất. 3. Là nguồn thủy điện 4. Là đường giao thông. 5. Là nơi cung cấp thủy sản: tôm, cá 6. Là nơi phát triển nuôi trồng thủy sản
4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (7 phút)	
- Đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ do sông nào bồi đắp? - Kể tên một số nhà máy thủy điện của nước ta?	- Sông Hồng và sông Cửu Long - Hòa bình, Thác Bà, Y-a-li....
- Tìm hiểu đặc điểm của các con sông có thể xây dựng thủy điện.	- HS nghe và thực hiện.

Hướng dẫn học

CỦNG CỐ VỀ GIẢI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN TỈ LỆ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố về cách giải bài toán liên quan đến tỉ lệ đơn vị.
- Hoàn thành bài các môn học trong ngày.
- Có kĩ năng giải toán liên quan đến tỉ lệ.

2. Năng lực chung: Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.
- HS: Vở luyện tập Toán

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động Giáo viên	Hoạt động Học sinh
Hoạt động 1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn.	- HS thực hiện theo yêu cầu
Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: (Bài 1, 2, 3 trang 21,22 – Luyện tập Toán) * Bài 1: - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài thuộc dạng toán nào? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách làm. * Bài 2: - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài cho biết gì? Yêu cầu tìm gì? - Bài thuộc dạng toán gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - GV nhận xét * Bài 3: - Gọi 1 HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu tìm gì?	- 1 em đọc đề bài - Thuộc dạng toán rút về đơn vị - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS TL - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời - 1 em đọc - HS trả lời - HS trả lời

- Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét.	- HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét
Hoạt động 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3phút)	
- Hỏi học sinh: Nêu cách giải toán có liên quan đến tỉ lệ. - Giáo viên đánh giá khen trước lớp.	

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 29 tháng 9 năm 2023

Toán

Tiết 20: LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

- Giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

- HS làm bài 1, bài 2, bài 3

2. Năng lực chung:

+ Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. **Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.

- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (5 phút)	
- Cho HS hát tập thể	- HS hát
- Giới thiệu bài - ghi đầu bài lên bảng	- HS ghi vở
2. HĐ thực hành: (25 phút)	
* Mục tiêu: Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”. HS làm bài 1, bài 2, bài 3.	
*Cách tiến hành:	
<u>Bài 1: HĐ cá nhân</u>	
- Gọi HS đọc đề bài	- Học sinh đọc đề, lớp đọc thầm.
- Bài toán thuộc dạng toán gì?	- Dạng toán tổng - tỉ.
- Yêu cầu học sinh làm bài cá nhân	- HS làm bài cá nhân, báo cáo kết quả
- Yêu cầu học sinh nêu các bước giải	- HS nêu
- Giáo viên nhận xét	Giải
	Số học sinh nam là:
	$28: (2 + 5) \times 2 = 8 \text{ (em)}$
	Số học sinh nữ là:
	$28 - 8 = 20 \text{ (em)}$
	Đáp số: 8 em nam
	20 em nữ
<u>Bài 2: HĐ cá nhân</u>	
- Gọi HS đọc đề bài	- HS đọc
- Hướng dẫn học sinh làm tương tự	- HS làm vở, báo cáo kết quả
- Giáo viên nhận xét	Giải

Bài 3: HĐ cặp đôi - Gọi HS đọc đề bài - Khi quãng đường đi giảm một số lần thì số lít xăng tiêu thụ thay đổi như thế nào ? - Yêu cầu học sinh thảo luận cặp đôi làm bài. Tóm tắt : $100 \text{ km} : 12 \text{ lít}$ $50 \text{ km} : \dots \text{ lít} ?$ - Giáo viên nhận xét.	Chiều rộng của mảnh đất là: $15: (2 - 1) = 15 \text{ (m)}$ Chiều dài mảnh đất là: $15 \times 2 = 30 \text{ (m)}$. Chu vi mảnh đất là: $(15 + 30) \times 2 = 90 \text{ (m)}$ Đáp số 90m - Học sinh đọc đề toán, lớp đọc thầm - Khi quãng đường giảm bao nhiêu lần thì số lít xăng tiêu thụ cũng giảm bấy nhiêu lần. - Học sinh làm bài cặp đôi, đổi vở kiểm tra chéo Giải 100 km gấp 50 km số lần là: $100 : 50 = 2 \text{ (lần)}$ Đi 50 km tiêu thụ hết số lít xăng là: $12 : 2 = 6 \text{ (lít)}$ Đáp số: 6 lít xăng
4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (5 phút) - Yêu cầu học sinh vận dụng làm bài toán sau: <i>Chị Hoa dệt được 72m vải trong 6 ngày. Hỏi với mức dệt như vậy, trong 24 ngày chị Hoa dệt được bao nhiêu mét vải?</i>	- HS đọc bài toán - HS làm bài Giải : 24 ngày gấp 6 ngày số lần là : $24 : 6 = 4 \text{ (lần)}$ 24 ngày dệt được số mét vải là : $72 \times 4 = 288 \text{ (m vải)}$ Đáp số : 288 m vải.
- Về nhà giải bài toán trên bằng cách khác.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Luyện từ và câu

Tiết 8: LUYỆN TẬP VỀ TỪ TRÁI NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết tìm những từ trái nghĩa để miêu tả theo yêu cầu của BT4 (chọn 2 hoặc 3 trong số 4 ý: a, b, c, d). HS(M3,4)thuộc được 4 thành ngữ tục ngữ ở BT1, làm được toàn bộ bài BT4.

- Tìm được các từ trái nghĩa theo yêu cầu của BT1, BT2 (3trong số 4 câu), BT3. Đặt được câu để phân biệt 1 cặp từ trái nghĩa tìm được ở BT4 (BT5).

2. Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. **Phẩm chất:** Thích tìm từ trái nghĩa để giải nghĩa một số từ cần thiết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.

- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (3 phút)	
- Cho HS tổ chức trò chơi "Truyền điện" với các câu hỏi: + Thế nào là từ trái nghĩa ? + Từ trái nghĩa có tác dụng gì ? + Đặt câu với một cặp từ trái nghĩa ? - Giáo viên nhận xét - Giới thiệu bài: Ghi đầu bài	- Học sinh chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. HĐ thực hành: (27 phút) *Mục tiêu: Biết tìm những từ trái nghĩa để miêu tả theo yêu cầu của BT4 (chọn 2 hoặc 3 trong số 4 ý: a, b, c, d). HS(M3,4)thuộc được 4 thành ngữ tục ngữ ở BT1, làm được toàn bộ bài BT4. *Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu học sinh tự làm bài, giáo viên gợi ý: chỉ gạch chân dưới các từ trái nghĩa có trong các câu thành ngữ. - Em hiểu nghĩa của các câu thành ngữ tục ngữ trên là gì ? - Yêu cầu học sinh học thuộc những câu thành ngữ, tục ngữ	- Học sinh đọc yêu cầu - HS làm vở + ít / nhiều; chìm / nổi + Nắng / mưa; trẻ / già - HS nêu - Học sinh nhẩm thuộc.
Bài 2: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu học sinh tự làm bài - Giáo viên nhận xét	- Học sinh đọc yêu cầu. - HS làm bài cá nhân, báo cáo kết quả: - Các từ điền vào ô trống: lớn,

- Yêu cầu HS đọc lại các câu đã điền Bài 3: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Giáo viên cho học sinh làm bài cá nhân - Giáo viên nhận xét đánh giá. Bài 4: HĐ nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu - Chia 4 nhóm yêu cầu học sinh thảo luận. - Tìm từ trái nghĩa ở mỗi phần. + Lưu ý: mỗi nhóm một phần. - Gọi ý: các từ trái nghĩa thường có cấu tạo giống nhau: hoặc cùng là từ đơn hoặc cùng là từ ghép hay từ láy. - Giáo viên nhận xét, đánh giá Bài 5: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu học sinh tự làm bài. - Giáo viên hướng dẫn có thể đặt câu chứa cả cặp từ hoặc 2 câu mỗi câu chứa 1 từ. - Giáo viên nhận xét, sửa chữa.	<i>già, dưới, sống.</i> - HS đọc - Học sinh làm bài + <i>Việc nhỏ nghĩa lớn.</i> + <i>Áo rách khéo vá hơn lành vụng may</i> + <i>Thức khuya dậy sớm.</i> - Học sinh đọc yêu cầu - Các nhóm thảo luận viết vào phiếu các cặp từ trái nghĩa theo nội dung giáo viên yêu cầu. a. Tả hình dáng : + <i>cao / thấp, cao vống / lùn tịt</i> + <i>to / bé, to xù / bé tí...</i> - Đại diện nhóm trình bày - Học sinh đọc yêu cầu. - HS nối tiếp nhau đọc câu mình đặt.
3. HĐ vận dụng: (5 phút)	
- Cho HS tìm từ trái nghĩa trong câu thơ sau: <i>Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay, Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm.</i>	- HS nêu
- Về nhà viết một đoạn văn ngắn tả cảnh chiều tối có sử dụng các cặp từ trái nghĩa.	- Lắng nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Tập làm văn
Tiết 8: LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Dựa vào dàn ý cho bài văn tả ngôi trường viết được bài văn để tả ngôi trường.
- Dựa vào dàn ý viết được một đoạn văn miêu tả hoàn chỉnh, sắp xếp các chi tiết hợp lí.

2. Năng lực chung:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: HS cảm nhận được vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên, giáo dục bảo vệ môi trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.
- HS: Đọc trước bài, SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (5 phút)	
- Cho học sinh thi đọc đoạn văn tả ngôi trường - Giáo viên nhận xét - Kiểm tra kết quả quan sát trường học của học sinh đã chuẩn bị. - Giáo viên nhận xét - Giáo viên giới thiệu dựa vào dàn ý cho bài văn tả trường học, viết một bài văn trong bài này.	- Học sinh thi đọc - Lớp theo dõi, nhận xét - HS chuẩn bị - Học sinh lắng nghe - Ghi vở
2. HĐ thực hành: (25 phút)	
*Mục tiêu: Viết bài văn tả ngôi trường đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài; biết lựa chọn được những nét nổi bật để tả ngôi trường. *Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ nhóm - Yêu cầu HS hoạt động nhóm, đọc dàn ý của bài văn tả ngôi trường - Thông nhất dàn ý chung của cả nhóm - Giáo viên đưa câu hỏi gợi ý. + Đối tượng em định miêu tả cảnh là gì? + Thời gian em quan sát vào lúc nào? + Em tả những phần nào của cảnh? + Tình cảm của em đối với mái trường ntn ? - Yêu cầu học sinh tự lập dàn ý.	- Học sinh đọc yêu cầu bài, lớp theo dõi - Nhóm trưởng điều khiển nhóm - Lần lượt từng em nêu ý kiến của mình : Ngôi trường của em - Buổi sáng/trước buổi học/sau giờ tan học. + Tả cảnh sân trường. + Lớp học, vườn trường, phòng truyền thống, hoạt động của thầy và trò. - 1 HS(M3,4) viết bảng nhóm, HS còn lại viết vào vở.

Lưu ý: đọc kỹ phần lưu ý. + Xác định góc quan sát, đặc điểm chung và riêng của cảnh vật. Quan sát bằng nhiều giác quan: màu sắc, âm thanh, đường nét, hương vị, sắc thái, chú ý các điểm nổi bật gây ấn tượng. - Trình bày kết quả - Giáo viên nhận xét, sửa chữa - Mở bài: + Trường em là trường Tiểu học Yên Sở. + Ngôi trường khang trang nằm ở trung tâm xã, ngay sát con đường to trải bê tông phẳng lỳ. - Thân bài: Tả từng phần của trường. + Nhìn từ xa: ngôi trường xinh xắn hiện hoà dưới những cây cổ thụ. + Trường: tường sơn màu vàng thật sang trọng. + Cổng trường sơn màu xanh đậm. + Sân trường đổ bê tông, lát gạch kiên cố. + Bàn, phượng, hoa sữa như cái ô khổng lồ che mát sân trường. Giờ chơi sân trường thật là nhộn nhịp. + Lớp học : dãy nhà 2 tầng với các phòng học rộng rãi, thoáng mát, có đèn điện, quạt trần, cửa sổ và cửa ra vào sơn màu xanh rất đẹp. + Bàn ghế: ngay ngắn gọn gàng. + Thư viện: có nhiều sách báo. - Kết bài: em yêu quý, tự hào về trường em Bài 2: HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu: Viết bài văn tả ngôi trường - HS làm bài cá nhân - Yêu cầu HS tự làm bài - HS trình bày phần viết của mình. - Giáo viên nhận xét	- Học (M3,4) trình bày. - Học sinh đọc yêu cầu. - Tả sân trường. -Tả lớp học. - Học sinh làm cá nhân - HS trình bày kết quả - Lớp theo dõi nhận xét
3. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (5 phút)	
- Trong đoạn văn em vừa viết thì em thích nhất hình ảnh nào ? Vì sao ?	- HS nêu
- Về nhà viết lại đoạn văn chưa đạt.	- Lắng nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Hướng dẫn học

CỦNG CỐ VỀ VĂN TẢ CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Cùng cố về cho HS 1 số bài tập TV nhằm củng cố về: từ trái nghĩa, tả cảnh.
- Hoàn thành bài các môn học trong ngày.
- Có kĩ năng làm bài văn tả cảnh.

2. Năng lực chung: Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, mở rộng vốn từ Tiếng Việt, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.
- HS: Vở luyện tập Tiếng Việt

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động Giáo viên	Hoạt động Học sinh
Hoạt động 1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn	- HS thực hiện theo yêu cầu
Hoạt động 2: Bài tập tăng cường: * <u>Bài 4(26):</u> - Gọi HS xác định y/c của bài tập - Y/ c HS đọc kĩ từng dòng suy nghĩ và tìm các từ trái nghĩa thích hợp để điền vào chỗ trống cho phù hợp. - Gọi HS trình bày - Y/c HS cho biết nghĩa của mỗi câu tục ngữ em vừa tìm được? - Thế nào là từ trái nghĩa? - GV chốt lời giải đúng. * <u>Bài 5(26)</u> - Gọi HS nêu yêu cầu của bài. - Y/c HS tự làm bài , 1 em lên bảng làm - Gọi HS NX bài của bạn. - GV nhận xét khen ngợi mHS có câu đặt hay. * <u>Bài 1(26,27):</u> - Gọi HS xác định y/c của bài tập - Y/ c HS đọc thầm bài và nêu những nhận xét vào chỗ chấm.	- 1 HS đọc y/c bài - HS thảo luận nhóm đôi cùng làm bài vào vở, - HS trình bày, HS khác nhận xét bổ xung. - Vài HS nêu - 1 HS trả lời - 1 HS nêu - HS thực hiện theo y/c - HS nhận xét. - HS lắng nghe - 1 HS đọc y/c bài - HS đọc và trả lời

- Y/c HS làm bài - Y/c các nhóm báo cáo kết quả. - GV kết luận lời giải đúng. * <u>Bài 2(29):</u> - Yêu cầu HS đọc đề bài - GV hướng dẫn HS nắm rõ yêu cầu của đề bài. - HS tự làm dựa vào bài tập 5 - Gọi HS đọc bài làm. - GV nhận xét và chỉnh sửa câu từ cho HS	- HS tự làm bài vào vở, Vài em nêu KQ - 3 nhóm nêu kết quả thảo luận - Hs đọc bài - HS tìm hiểu đề bài - HS làm bài và đọc bài - 1 Vài HS đọc bài - HS nhận xét
Hoạt động 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3phút)	
- Hỏi học sinh: Thế nào là từ trái nghĩa. - HS đọc bài qua sát được về co sông nơi em ở.	- Giáo viên đánh giá khen trước lớp.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Tuần 4

1. Năng lực đặc thù:

- ## 2. Năng lực chung: Hợp tác, giao tiếp, tự chủ trong các hoạt động

- ### 3. Phẩm chất:

- GV: Máy tính, bài giảng PowerPoint.

- HS: máy tính hoặc điện thoại thông minh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Hoạt động ngoài giờ chính khoá

An toàn giao thông

BÀI 4: ỨNG XỬ KHI GẶP SỰ CỐ GIAO THÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực chung:

- Nhận biết một số sự cố giao thông thường gặp.
- Biết cách ứng xử một số tình huống giao thông không an toàn.
- Thực hiện, chia sẻ với người khác những kĩ năng xử lí sự cố giao thông.

2. Năng lực đặc thù:

Biết giao tiếp hợp tác trong nhóm để hoàn thành các bài tập

3. Phẩm chất: Có khả năng sử lý các tình huống và rèn kĩ năng đi xe đạp an toàn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: + Giáo án PowerPoint, Máy tính, Video bài giảng

- Tài liệu giáo dục An toàn giao thông
- Mô hình an toàn giao thông.

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. KHỞI ĐỘNG: - Cho học sinh xem phim về sự cố giao thông -Đặt câu hỏi tìm hiểu nguyên nhân	- HS quan sát video -Tham gia trả lời
2. KHÁM PHÁ 1. Tìm hiểu một số sự cố giao thông thường xảy ra - GV yêu cầu HS quan sát tranh và nêu nguyên nhân gây ra sự cố giao thông - Giáo viên yêu cầu học sinh trình bày. -Yêu cầu học sinh tìm hiểu một số nguyên nhân khác gây ra sự cố - GV Nhận xét – tuyên dương. 2. Tìm hiểu cách ứng xử khi gặp sự cố Yêu cầu quan sát tranh và đọc thông tin về cách ứng xử khi gặp sự cố giao + Khi xảy ra tắc đường +Khi nhìn thấy tai nạn giao thông - GV kết luận - GV tuyên dương, nhận xét	-HS quan sát tranh và thảo luận. - Hs báo cáo kết quả - HS nêu cá nhân Thảo luận và tham gia trả lời - HS nêu phân cần ghi nhớ
3. THỰC HÀNH a/Sắm vai và xử lí tình huống. - GV yêu cầu HS sắm vai xử lí tình huống - GV Nhận xét tuyên dương b/-Kể lại một số giao thông mà em đã gặp và cách xử lý của những người có mặt tại đó. -Yêu cầu cả lớp nhận xét cách xử lí đó và rút ra bài học.	Thảo luận 2 nhóm chung một tình huống và nêu cách xử lí - HS trả lời - HS nêu - HS trả lời

4. VẬN DỤNG - Tự xây dựng bảng qui tắc ứng xử khi gặp sự cố giao thông	- HS thực hiện -HS trình bày
--	---------------------------------

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....